

Số: 01 /2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-
BCA-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2017

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp năm 2012 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thống nhất ban hành Thông tư liên tịch quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

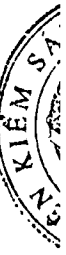
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp và việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
2. Tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp, giám định viên tư



2

pháp được trưng cầu giám định;

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc trưng cầu giám định, đánh giá và sử dụng kết luận giám định

1. Việc trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án, vụ việc được chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

2. Ngoài những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo Thông tư liên tịch này chỉ được thực hiện khi chưa có đủ chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

3. Khi trưng cầu giám định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện việc giám định ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định. Khi đánh giá, sử dụng kết luận giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải bảo đảm xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện kết luận giám định làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, vụ việc.

4. Tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định có trách nhiệm tiến hành giám định bảo đảm đúng thời hạn và kết luận cụ thể về nội dung được trưng cầu giám định, chịu trách nhiệm về những nội dung đã kết luận theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định phải giữ bí mật, không được tiết lộ nội dung thông tin, tài liệu, kết luận giám định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.

Không được lạm dụng việc trưng cầu, thực hiện, đánh giá, sử dụng kết luận giám định để gây cản trở quá trình giải quyết vụ án, vụ việc hoặc làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của việc giải quyết vụ án, vụ việc.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định

Những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo Thông tư liên tịch này, bao gồm:

1. Khi cần xác định chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tài sản, hàng hoá, hàng giả, hàng thật, hàng cấm;

2. Khi cần truy nguyên về tài liệu, đồ vật, chữ ký, chữ viết, con dấu, dấu vết, dữ liệu điện tử;

3. Khi cần xác định tính chính xác của các dụng cụ cân, đo, đong, đếm và các máy móc, thiết bị khác;

4. Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, gồm:

- a) Về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án;
- b) Về đấu thầu;
- c) Về khảo sát, tư vấn thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán;
- d) Về quản lý vốn đầu tư như: Tạm ứng vốn không đúng quy định; sử dụng vốn thi công không đúng mục đích; bảo lãnh cho vay vốn, tạm ứng vốn, thực hiện hợp đồng hoặc điều chuyển vốn cho vay; cho vay vốn không đúng chế độ;
- đ) Hành vi khác vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư.

5. Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư gây ra, thì mức độ thiệt hại được xác định theo nguyên tắc lấy tổng chi phí đầu tư dự án trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ hoặc được xác định theo một hoặc trong các cách thức sau đây:

- a) Tiền lãi suất ngân hàng của khoản tiền đã tạm ứng vốn mà sử dụng khoản tiền này không đúng mục đích dẫn đến không có khả năng thu hồi hoặc làm mất vốn đầu tư;
- b) Tiền lãi suất ngân hàng của các khoản đầu tư cho vay, ủy thác hoặc điều chuyển vốn, sử dụng vốn không đúng quy định của pháp luật gây thất thoát, lãng phí;
- c) Khoản chi phí phát sinh về tiền lãi vay của khoản vốn đã đầu tư và các chi phí khác đối với dự án kể từ khi dự án ngừng thi công hoặc ngừng hoạt động;
- d) Tổng mức đầu tư phải điều chỉnh tăng lên so với tổng mức đầu tư ban đầu mà nguyên nhân do có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện dự án hoặc làm chậm tiến độ thực hiện dự án.

6. Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế, tài chính, kế toán, bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, đất đai, tài nguyên, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và các lĩnh vực khác khi xét thấy cần thiết.

Điều 5. Trưng cầu giám định

1. Khi thuộc trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định; lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện giám định để ra quyết định trưng cầu giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 205 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nội dung trưng cầu giám định chỉ nêu yêu cầu mang tính chuyên môn ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định, không nêu yêu cầu mang tính pháp lý.

3. Thời hạn giám định được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và đầy đủ hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu kèm theo.

Thời hạn giám định thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định. Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản này thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn

bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trung cầu, người yêu cầu giám định; đồng thời nêu rõ thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định và ban hành kết luận giám định.

4. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trung cầu giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải phối hợp, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thống nhất về nội dung trung cầu giám định, thời hạn giám định và vấn đề khác (nếu có).

5. Trường hợp có nhiều nội dung cần giám định hoặc nội dung phức tạp, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể tách thành nhiều nội dung trung cầu giám định khác nhau, ra nhiều lần quyết định trung cầu giám định để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc.

6. Trường hợp nội dung trung cầu giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xác định lĩnh vực chính để giao trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức chủ trì và cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện giám định.

Cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm chủ trì thực hiện giám định phải làm đầu mối, tổ chức việc thực hiện và ký, đóng dấu xác nhận trong kết luận giám định. Cơ quan, tổ chức phối hợp phải cử người tham gia thực hiện giám định.

7. Trường hợp phát sinh vấn đề vướng mắc trong việc phối hợp trung cầu, thực hiện giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức được trung cầu, giám định và cơ quan, tổ chức liên quan để giải quyết.

Điều 6. Giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định

1. Việc giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) được thực hiện theo cách thức sau đây:

a) Trực tiếp giao nhận tại trụ sở của tổ chức hoặc cá nhân được trung cầu giám định;

b) Trực tiếp giao nhận tại trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng trong trường hợp người giám định được trung cầu thực hiện giám định tại cơ quan tiến hành tố tụng theo yêu cầu, nhiệm vụ đặc biệt;

c) Trực tiếp giao nhận tại hiện trường đối với đối tượng giám định không thể di dời được;

d) Gửi qua đường bưu chính.

2. Việc giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh kèm theo (nếu có) phải được lập biên bản. Biên bản giao, nhận phải có đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Giám định tư pháp và Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp đối tượng trung cầu giám định đang được niêm phong thì việc mở niêm phong phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.